

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm;
2. Bà Phan Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 376/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Phạm Thị Bích T trình bày: Bà và ông Lê Văn T do mai mối, tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn sống chung từ năm 2006 cho đến nay. Nhận thấy hiện nay không còn tình cảm với nhau và không thể chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án cho được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Duy K, sinh ngày 27/5/2000 (đã thành niên), Phạm Tuấn K, sinh ngày 30/4/2005. Hiện 02 con bà đang nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải nhưng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị Bích T khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Lê Văn T. Ông T có nơi cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Phạm Thị Bích T và ông Lê Văn T là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà mâu thuẫn, theo nguyên đơn trình bày là do do sống hạnh phúc đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều và không còn sống chung từ đó cho đến nay. Xét thấy, trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà không được hạnh phúc đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị Bích T xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Duy K, sinh ngày 27/5/2000 (đã thành niên), Phạm Tuấn K, sinh ngày 30/4/2005, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con Phạm Tuấn K. trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu K, kết quả thể hiện “nếu ba và mẹ không còn sống chung với nhau nữa thì nguyện vọng muốn được chung sống với mẹ”. Dó đó Hội đồng xét xử chấp nhận bà T được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng như nguyện vọng của con. Về việc cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xét đến.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích T.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Bích T ly hôn với ông Lê Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 348 ngày 09/12/2002 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang cấp, không còn giá trị pháp lý.

2) Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị Bích T được tiếp tục nuôi con chung tên là Phạm Tuấn K, sinh ngày 30/4/2005; ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

5) Về án phí: Bà Phạm Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008422 ngày 26/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Phạm Thị Bích T đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hùng